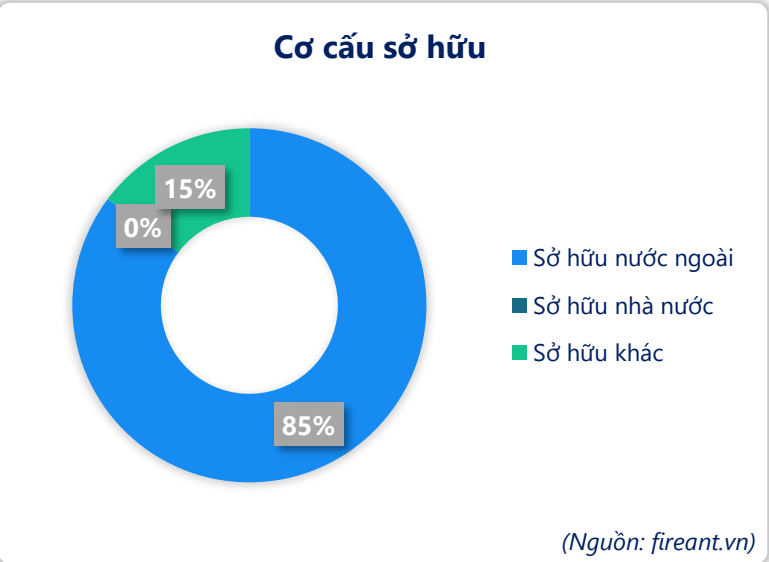
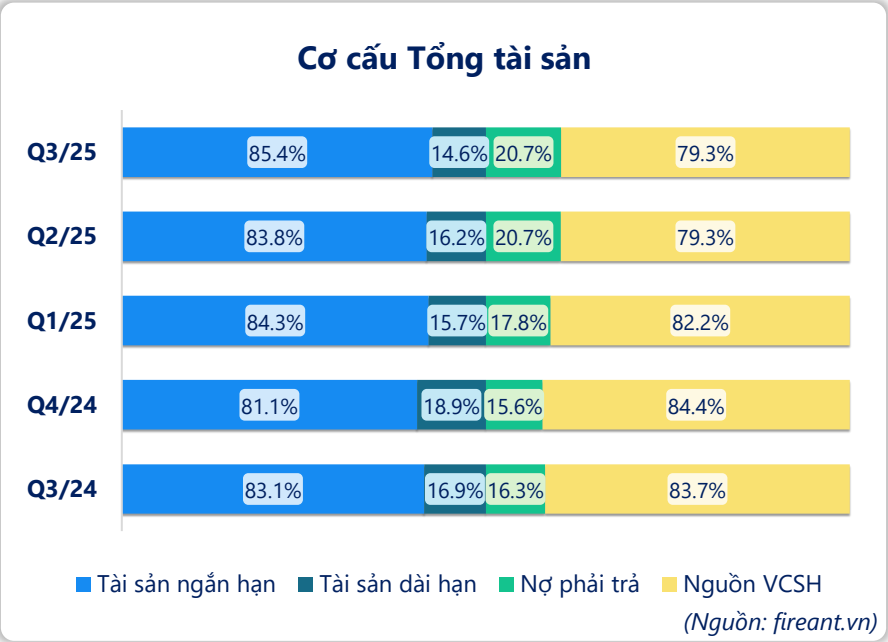
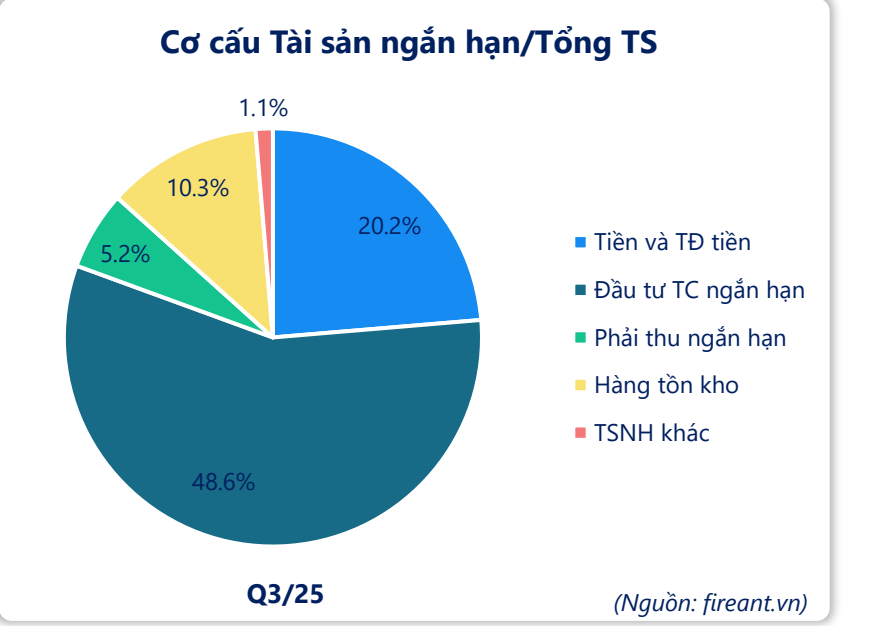
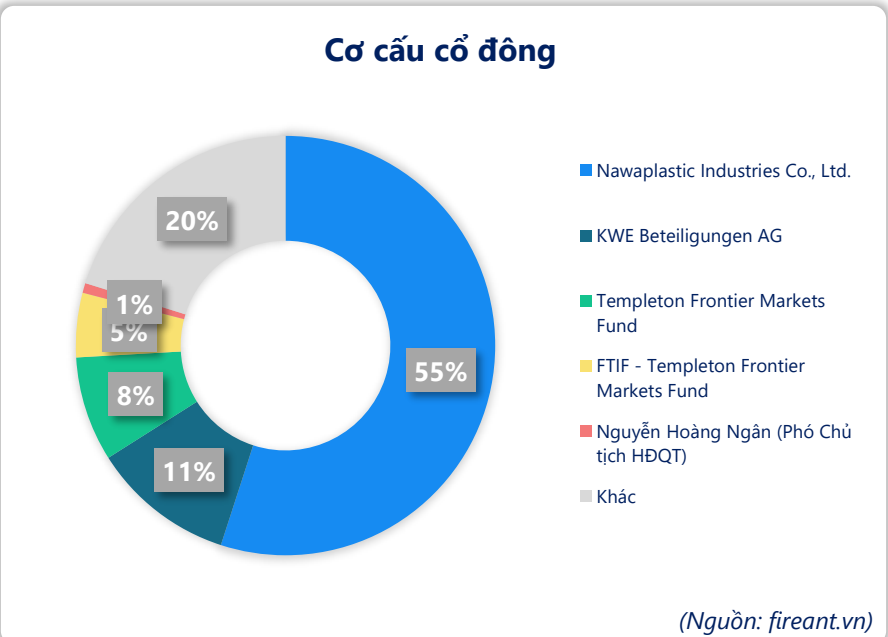
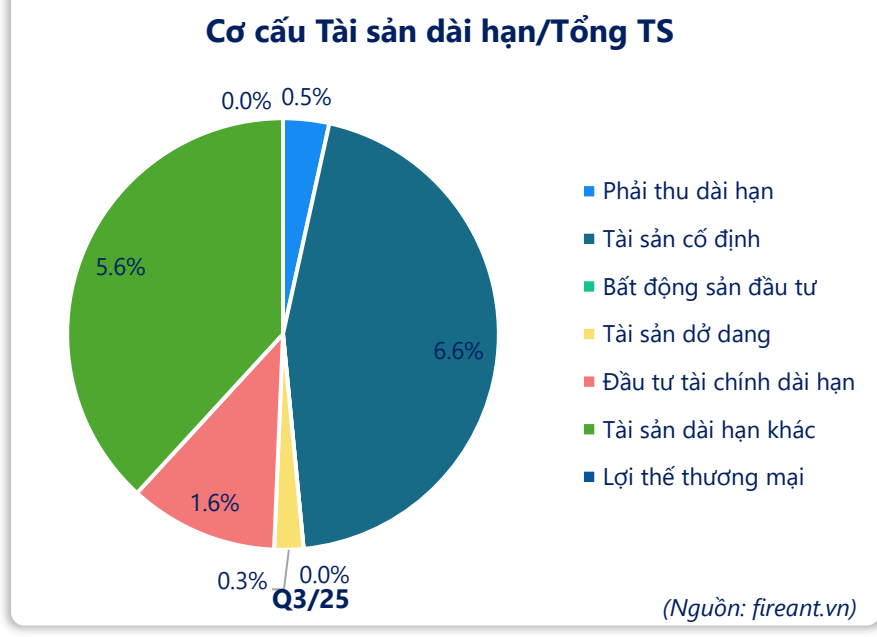
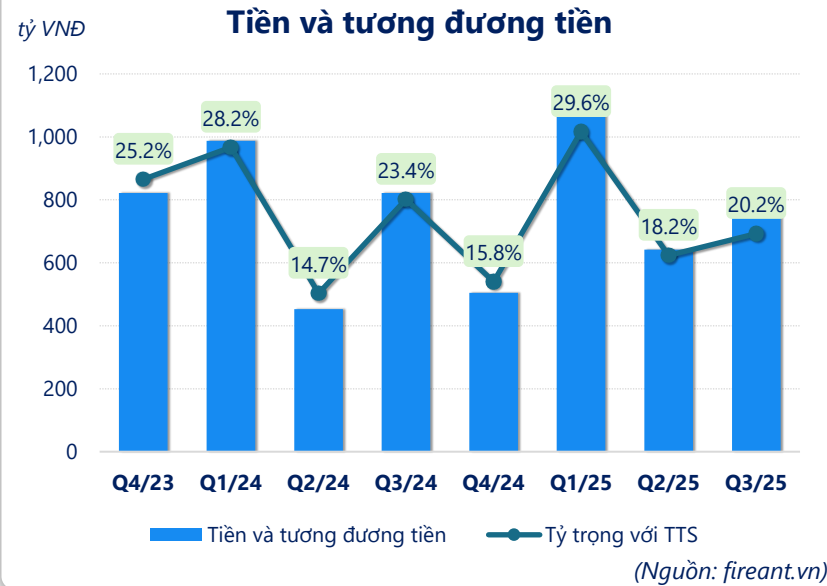
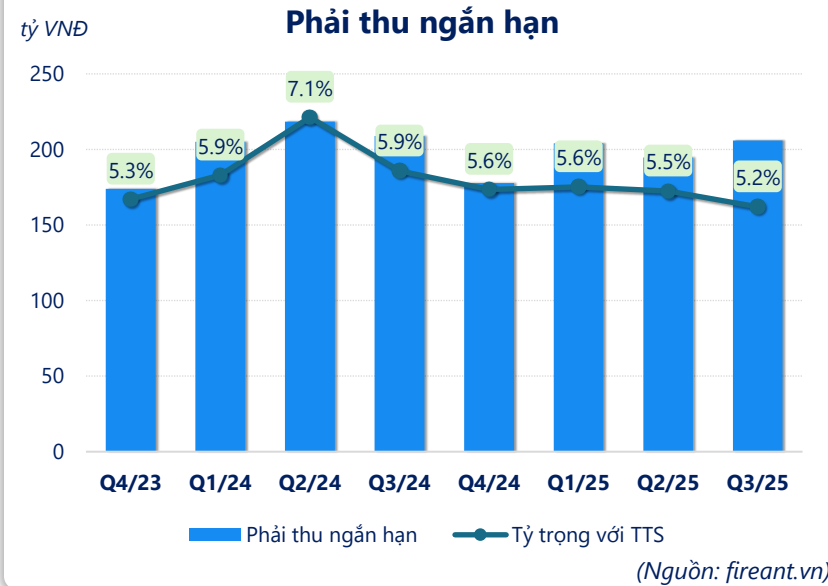
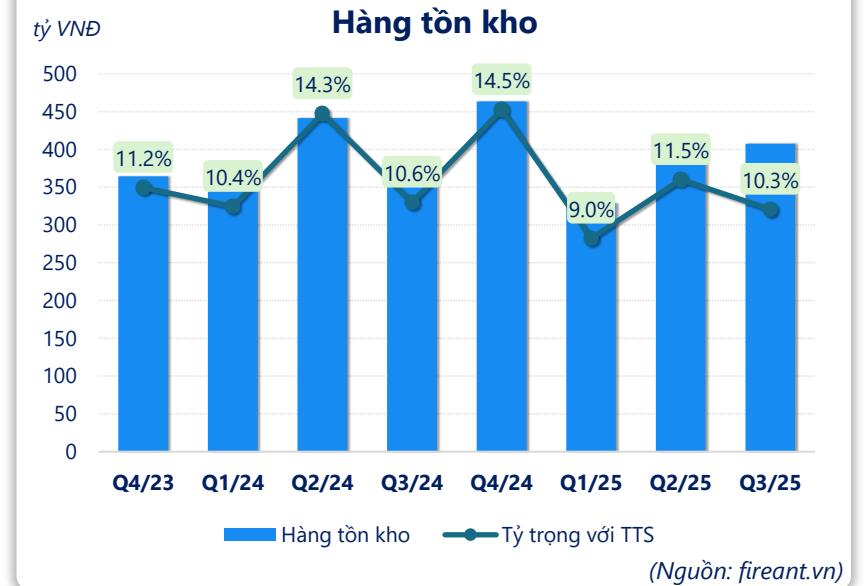
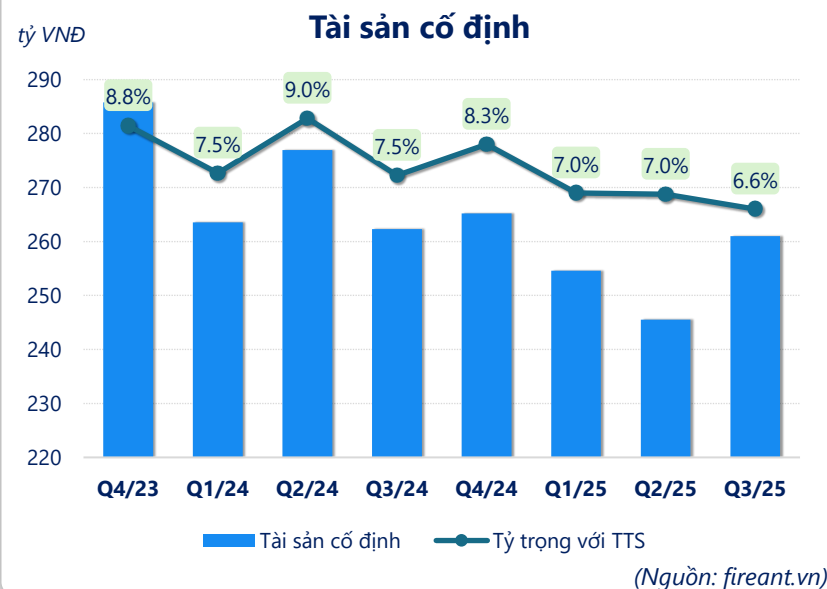
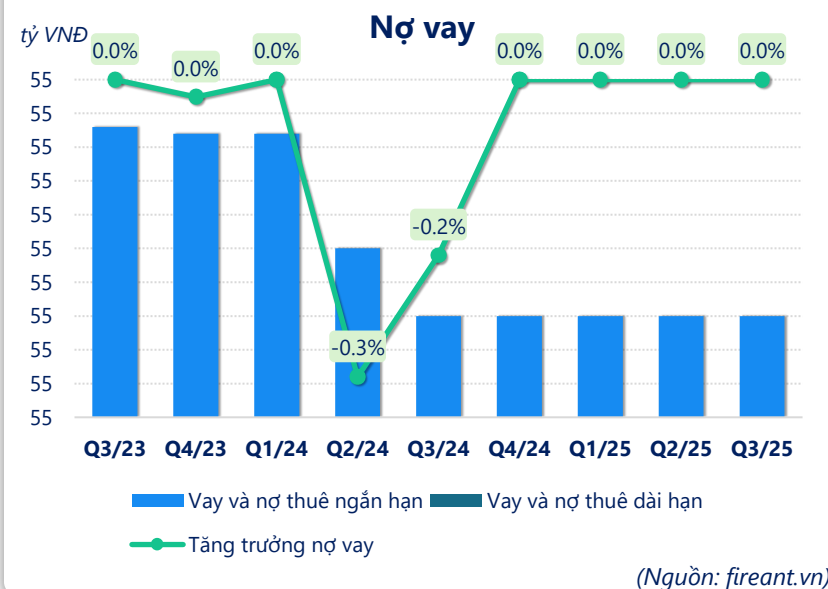
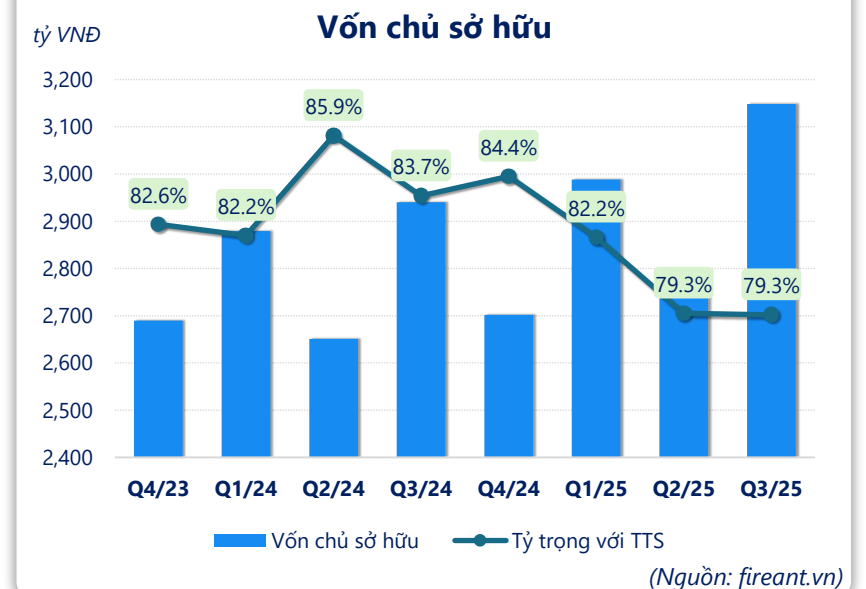
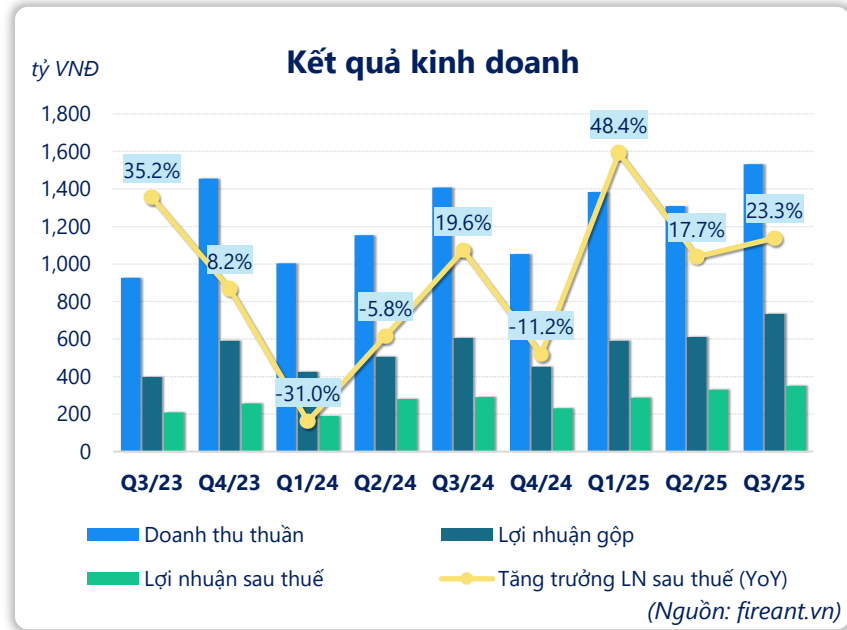
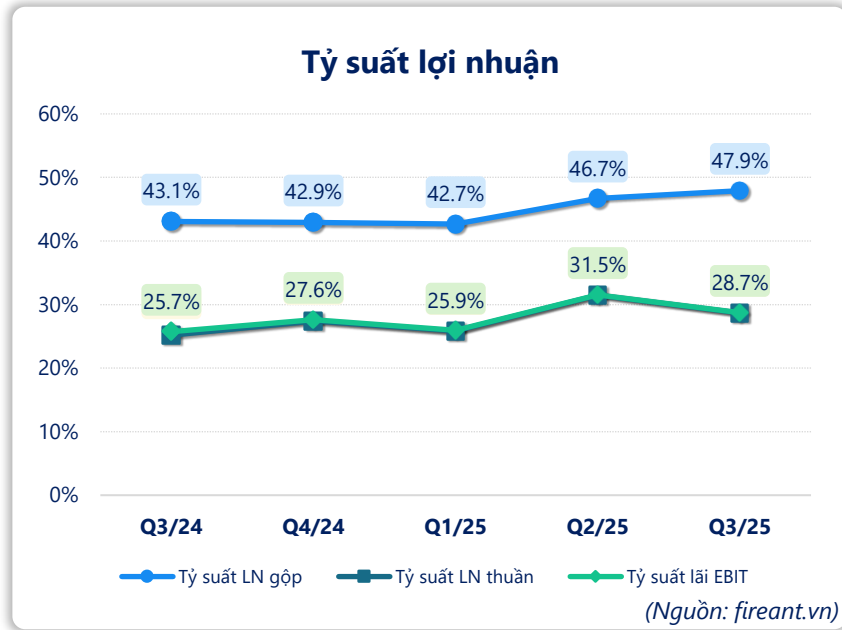
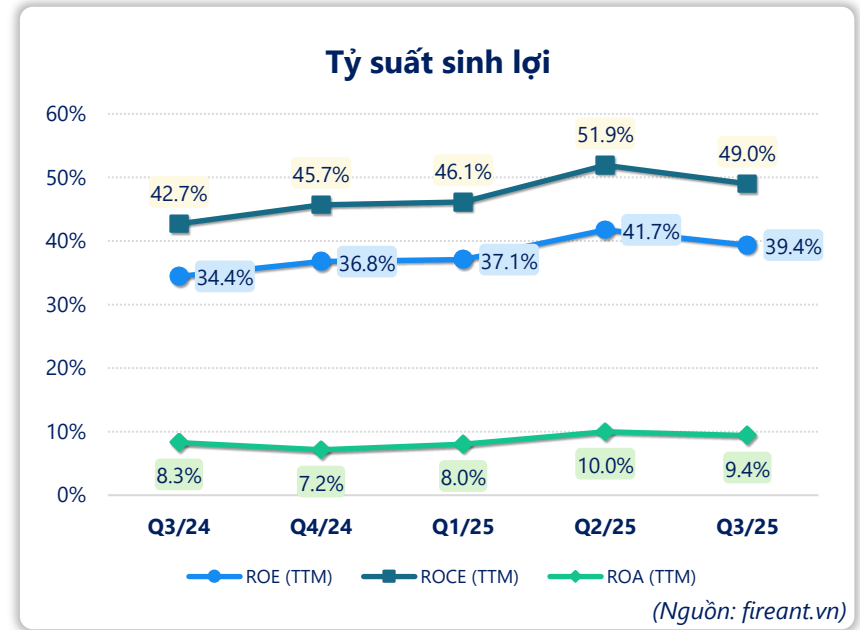
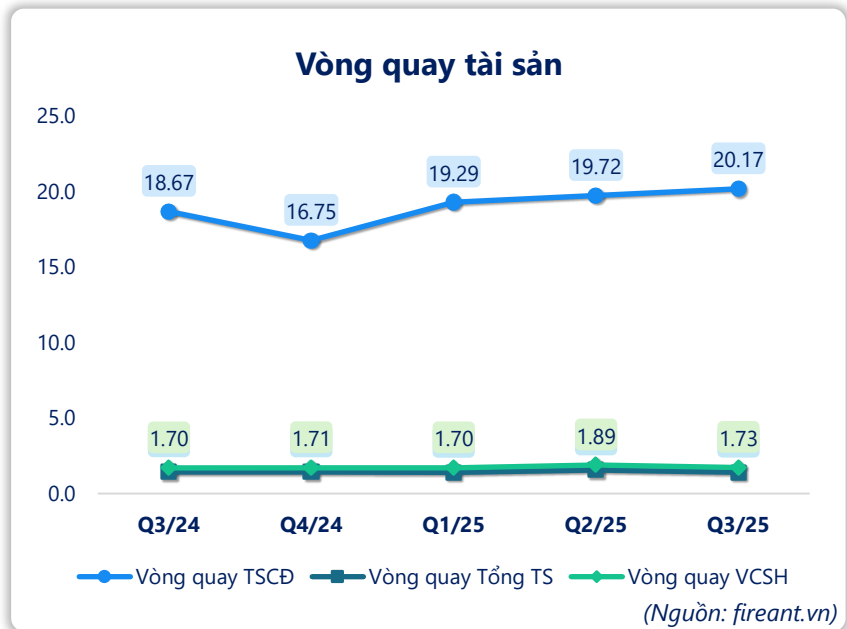
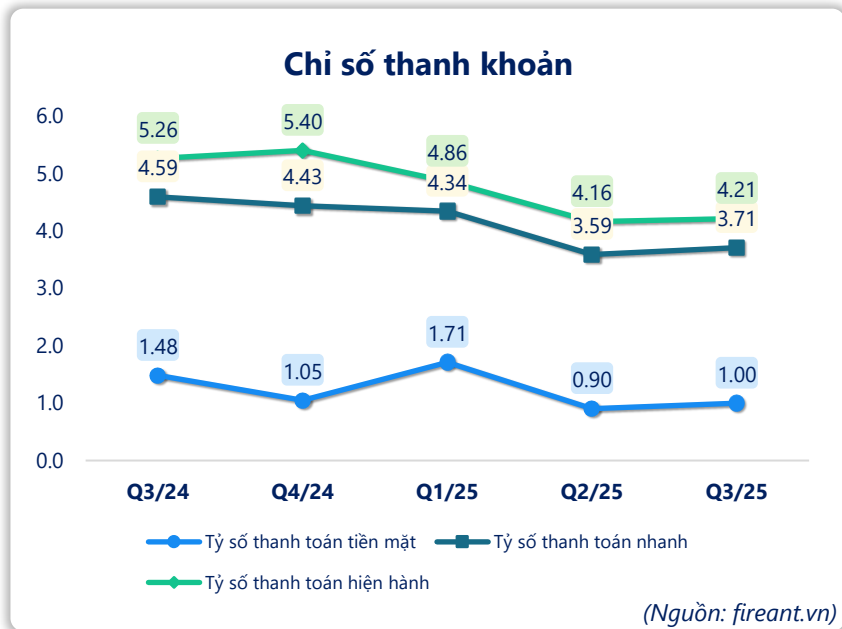
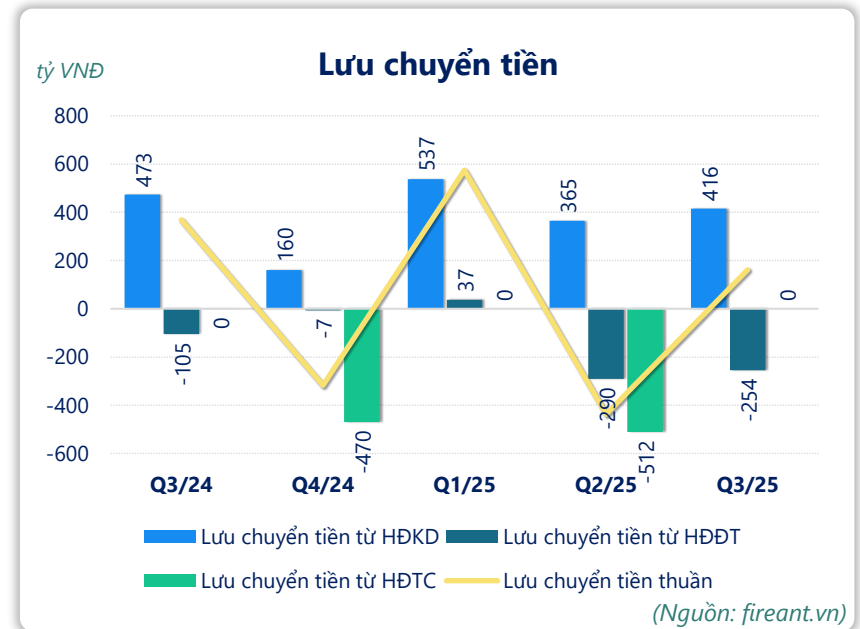


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		143,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		152,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		102,157
SL cổ phiếu LH		81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)		119,325
% sở hữu nước ngoài		85.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,739
P/E		9.8
EPS		14,639

	YTD	1T	3T	6T
BMP	12.5%	-5.7%	2.9%	22.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,971	3,200	24.1%
Tài sản ngắn hạn	3,391	2,596	30.6%
Tiền và tương đương tiền	803	504	59.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,930	1,410	36.9%
Phải thu ngắn hạn	206	178	15.8%
Hàng tồn kho	408	464	-12.1%
Tài sản ngắn hạn khác	45.2	40.6	11.4%
Tài sản dài hạn	580	604	-4.1%
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản cố định	261	265	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.7	19.6	-35.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.7	63.8	1.5%
Tài sản dài hạn khác	221	236	-6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	823	499	64.9%
Nợ ngắn hạn	805	481	67.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	54.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	174	172	1.1%
Nợ dài hạn	17.5	17.8	-1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,148	2,702	16.5%
Vốn chủ sở hữu	3,148	2,702	16.5%
Vốn điều lệ	819	819	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,407	1,053	1,383	1,308	1,532
Giá vốn hàng bán	801	601	793	697	798
Lợi nhuận gộp	606	452	590	611	734
Doanh thu HĐTC	20.1	22.5	21.1	25.4	26.6
Chi phí TC	71.5	30.0	39.8	37.9	79.9
Chi phí lãi vay	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trong công ty LKLD	0.12	-0.20	0.15	0.31	0.47
Chi phí bán hàng	165	122	182	150	204
Chi phí QLDN	35.0	33.2	32.0	37.4	37.2
LN thuần từ HĐKD	354	289	357	412	440
Lợi nhuận khác	7.71	2.01	1.17	0.65	0.20
LN trước thuế	362	291	359	412	440
Lợi nhuận sau thuế	290	231	287	330	351
LNST của CĐ cty mẹ	290	231	287	330	351

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	473	160	537	365	416
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-105	-7.27	37.2	-290	-254
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.10	-470	0	-512	0
Tiền đầu kỳ	453	821	504	1,078	641
Lưu chuyển tiền thuần	369	-317	574	-437	161
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	0	0	0
Tiền cuối kỳ	821	504	1,078	641	803

(Nguồn: fireant.vn)